

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/09/2020

Về việc: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Hồng

- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 06 năm 2020, về “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST, ngày 12/08/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-HNGĐ, ngày 28/8/2020, giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: Xóm T, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1992 (vắng mặt)

HKTT: Xóm T, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ hiện nay: xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: anh và chị Phan Thị Ngọc A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn chị Ngọc A chuyển hộ khẩu về cùng gia đình anh và chung sống cùng gia đình anh tại xóm C (nay là xóm T), xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và cuối năm 2014 thì ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng

không có sự hòa hợp, không cùng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Sau khi vợ chồng ly thân chị Ngọc A đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên sinh sống cho đến nay. Từ khi chị Ngọc A về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không gặp nhau, chỉ liên lạc qua điện thoại hỏi thăm về tình hình của con chung, cả hai cùng không có ý định quay lại để đoàn tụ vợ chồng. Từ cuối năm 2015 anh liên hệ với chị Ngọc A nhiều lần để bàn bạc việc ly hôn nhưng không gặp được, đến nhà bố mẹ chị Ngọc A cũng không gặp chị, anh cũng không biết chị Ngọc A làm gì, ở đâu.

Do không chung sống cùng nhau thời gian đã dài, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/8/2010. Anh đồng ý giao con chung cho chị Ngọc A nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

Bị đơn chị Phan Thị Ngọc A vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị Ngọc A không có mặt tại Tòa án. Bà Trần Thị Bích L là mẹ đẻ của chị Ngọc A đã trực tiếp nhận các văn bản trên và cam đoan sẽ giao tận tay chị Ngọc A. Tại các biên bản làm việc bà L xác nhận đã thông báo, giao các văn bản, tài liệu của Tòa án cho chị Ngọc A. Tuy nhiên đến nay chị Ngọc A vẫn không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2020 giữa Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên và ông Nguyễn Quang H - Trưởng xóm T, xã P, đã cung cấp như sau: chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1993, gia đình bố mẹ đẻ chị Ngọc A (ông Phan Văn K và bà Trần Thị Bích L) có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi chị Ngọc A kết hôn với anh Nguyễn Đình C thì chuyển hộ khẩu về gia đình anh C ở xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nhưng từ năm 2015 chị Ngọc A đem theo con nhỏ về sống với bố mẹ cho đến nay. Hiện tại chị Ngọc A đi làm nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình.

Ông H xác nhận đã phối hợp cùng Tòa án đến gia đình bà L (mẹ chị Ngọc A) nhiều lần để giao các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên chị Ngọc A đi làm không có nhà. Bà Trần Thị Bích L là mẹ đẻ của chị Ngọc A đã nhận và cam kết giao lại cho chị Ngọc A, nhưng việc chị Ngọc A có đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh C không, chính quyền địa phương không nắm được. Về quan điểm nếu chị Ngọc A không có mặt thì đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị Ngọc A, để đảm bảo quyền lợi cho anh C.

Tại các Biên bản làm việc giữa Tòa án và bà Trần Thị Bích L - là mẹ đẻ của chị Ngọc A, bà L xác nhận như sau: chị Ngọc A và anh C kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn chị Ngọc A về gia đình anh C làm dâu, ở chung cùng gia đình một

thời gian anh chị làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị Ngọc A nói do anh C không chung thủy. Từ năm 2015 chị Ngọc A đem theo con gái về gia đình bà ở cho đến nay. Nay anh C làm đơn ly hôn bà không có ý kiến gì vì là chuyện riêng của 2 vợ chồng. Hiện tại chị Ngọc A đi làm, không thường xuyên có mặt tại gia đình, gia đình đã thông báo, giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Ngọc A nhưng do không thu xếp được công việc nên chị Ngọc A không đến Tòa án, đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt chị Ngọc A.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/8/2010. Từ năm 2015 con chung của anh chị do ông bà ngoại và chị Ngọc A nuôi dưỡng, chăm sóc, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung.

Tài sản chung vợ chồng: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đình C. Cho anh Nguyễn Đình C được ly hôn chị Phan Thị Ngọc A.

- Về con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/8/2010 cho chị Ngọc A nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung anh C. Anh C

được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: không có nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình C phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: anh Nguyễn Đình C và chị Phan Thị Ngọc A có hộ khẩu thường trú tại xóm T, xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại chị Ngọc A đang cư trú tại xóm T, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên (tại nhà của bố mẹ đẻ chị). Anh C làm đơn ly hôn chị Ngọc A, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: anh C có đơn khởi kiện xin ly hôn gửi đến Tòa án, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do vậy Tòa án đã tiến hành thụ lý yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C đối với chị Ngọc A, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của chị Phan Thị Ngọc A: tại phiên tòa hôm nay chị Ngọc A vắng mặt không có lý do lần thứ 2. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngọc A đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng hợp lệ khác theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị Ngọc A không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Ngọc A theo quy định pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình C và chị Phan Thị Ngọc A kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của anh C, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 2015 chị Ngọc A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không thống nhất quan điểm trong làm ăn kinh tế. Từ khi vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai, do vậy anh yêu cầu giải quyết ly hôn. Chị Ngọc A vắng mặt

trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có lý do, do vậy cần xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, cần chấp nhận đơn ly hôn của anh C, cho anh chị được ly hôn.

[4.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/8/2010. Hiện nay con chung đang do chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung muốn được ở với mẹ. Mặc dù chị Ngọc A không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến thể hiện quan điểm về việc ly hôn, nuôi con chung, nhưng xét theo đề nghị của anh C, nguyện vọng của con chung thấy cần thiết giao con chung cho chị Ngọc A nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, vì vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của anh C, đảm bảo được quyền lợi của con chung khi bố mẹ ly hôn.

[4.3]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung: anh C xác định đều không có.

[3]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đình C đối với chị Phan Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Đình C được ly hôn chị Phan Thị Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 20/8/2010 cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh C, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

* Về lãi suất chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng: được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: đều không có

4. Về án phí: anh Nguyễn Đình C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Cộng 600.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004789 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; anh C còn phải nộp 300.000đ án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh C, vắng mặt chị Ngọc A tại phiên tòa. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tx Phổ Yên;
- Chi cục THADS tx Phổ Yên;
- UBND xã Q
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Thị Hồng